

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11-5-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
và cấp dưỡng khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Dương
- Ông Lê Văn Được

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Chung Hữu Toàn là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên.

- **Hỗ trợ phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu thành phần:** Ông Đinh Văn Dư
– Thư ký Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại hai điểm cầu: Điểm cầu Trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C. Điểm cầu thành phần tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C1. Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số: 167/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 và Thông báo dời ngày xét xử số: 155/TB-TA, ngày 18/4/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Diễm T, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Diễm T trình bày: Vào năm 2014 chị và anh Nguyễn Hữu Đ xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 26/8/2014. Trong quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Thị Nguyệt H, sinh ngày 17/7/2015 hiện đang sống chung với chị T. Sau khi cưới chị về sống bên chồng và trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay, trong khoản thời gian ly thân cũng không ai tạo điều kiện để hàn gắn với nhau. Nay tự nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Diễm T yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Hữu Đ.
- Về nuôi con tên: Nguyễn Thị Nguyệt H, sinh ngày 17/7/2015 hiện đang sống chung với chị T. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện chị T yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án chị xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị T không tranh chấp, không khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Hữu Đ trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian xác lập quan hệ hôn nhân và về con chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì vợ chồng có mâu thuẫn về chỗ ở từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, sau đó thì chị T về nhà mẹ ruột ở huyện C1 sinh sống cho đến nay. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh thì anh không đồng ý vì mâu thuẫn vợ chồng không lớn và anh còn thương vợ, thương con.

- Về con chung: Tên Nguyễn Thị Nguyệt H, sinh ngày 17/7/2015 hiện đang sống chung với chị T. Trường hợp ly hôn anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Anh Đ không tranh chấp, không khởi kiện.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Trần Thị Diễm T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hữu Đ; Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Thị Nguyệt H, sinh ngày 17/7/2015 và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Không yêu cầu giải quyết.
- Bị đơn anh Nguyễn Hữu Đ vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Chị T và anh Đ chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cãi và đã ly thân, từ khi ly thân thì cả hai bỏ mặc, không quan tâm đến tình cảm vợ chồng. Anh Đ trình bày còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn nhưng từ khi Tòa án thụ lý và tiến hành mở phiên hòa giải đoàn tụ nhưng anh Đ vắng mặt và tại phiên tòa hôm nay anh Đ tiếp tục vắng mặt từ đó cho thấy anh không có thiện chí để hàn gắn, đoàn tụ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Đ. Về con chung: Từ khi sống ly thân cháu Nguyệt H sống chung với chị T và được chị chăm sóc chu đáo về mọi mặt và cháu Nguyệt H có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị T được quyền nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Nguyệt H, sinh ngày 17/7/2015. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả chị T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị T làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ, chị xin được quyền nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn. Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng khi ly hôn*” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Hữu Đ là bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Hữu Đ.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Diễm T và anh Nguyễn Hữu Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/8/2014 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

[4]. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T: Chị T cho rằng quá trình chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn và vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay, trong khoảng thời gian ly thân thì không ai quan tâm đến ai, do đó mâu thuẫn giữa chị và anh Đ đã trầm trọng nên không thể hàn gắn được. Anh Đ cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là về chỗ ở từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, sau đó thì chị T về nhà mẹ ruột sinh sống nên vợ chồng đã ly thân đến nay nhưng anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, thương con. Xét thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, tôn trọng lẫn nhau và cùng nhau chăm sóc gia đình nhưng trên thực tế chị T và anh Đ đều thừa nhận có mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Hiện tại anh Đ không đưa ra được giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ. Trong khi chị T xác định không còn tình cảm với anh Đ và cương quyết xin ly hôn, từ đó thấy rằng hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

- *Về con chung*: Có một con chung tên Nguyễn Thị Nguyệt H, sinh ngày 17/7/2015 hiện do chị T đang chăm sóc nuôi dưỡng. Xét thấy con chung của chị T và anh Đ từ khi vợ chồng sống ly thân chị T nuôi dưỡng cho đến nay cuộc sống của con cũng đã ổn định, tình cảm giữa chị và con gắn bó hơn, mặc khác cháu Nguyệt H có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Xét thấy việc giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ được chăm sóc chu đáo về mọi mặt nhằm tạo điều kiện cho cháu H có cuộc sống ổn định phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần sau này. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con cho chị T được quyền chăm sóc nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả*: Chị T và anh Đ không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Thị Diễm T phải nộp án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[6]. Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39, Điều 147, 227; 228; 235, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Diễm T.

- Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Diễm T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Đ.

- Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Diễm T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Nguyễn Thị Nguyệt H, sinh ngày 17/7/2015, khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Diễm T không yêu cầu anh Nguyễn Hữu Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị Trần Thị Diễm T và anh Nguyễn Hữu Đ không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị Diễm T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015621, ngày 10/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị Trần Thị Diễm T đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã H;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Ngọc Hùng Anh